

Bản án số: 36/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 20/9/2019

V/v *Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Vũ Thị Tuyền**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lò Thanh Hồng**

Ông **Quàng Văn Minh**

- *Thư ký phiên toà:* Bà **Nguyễn Thu Hương** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 250/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2019 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lò Thị T** - Sinh năm: 1995; Nơi ĐKKHKT: Bản Ng, xã P, huyện Đ; Ở: Bản P, xã Ch, huyện T, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh **Quàng Văn X** - Sinh năm: 1993; Địa chỉ: Bản Ng, xã P, huyện Đ (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/7/2019 và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn chị Lò Thị T trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị T và anh X kết hôn với nhau do hai bên tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 13/6/2014 tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Cuộc sống chung của vợ chồng anh chị kể từ sau khi kết hôn hòa thuận hạnh phúc đến tháng 5/2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh X nghiện ma túy, hay uống rượu và đánh đập chị T. Gia đình hai bên đã hòa giải nhưng mâu thuẫn không giải quyết được mà ngày càng trầm trọng. Chị T và anh X đã sống ly thân với nhau từ tháng 5/2016 cho đến nay, không còn đi lại và quan tâm gì đến nhau nữa, nay tình cảm của chị T đối với anh X không còn nữa. Vì vậy, chị T có nguyện vọng xin được ly hôn với anh X.

- *Về con chung*: Chị T và anh X có 01 con chung là Quảng Thị Nguyệt H - sinh ngày 25/02/2014, hiện nay cháu H đang ở với chị T tại Bản P, xã Chiềng Đông, huyện Tuần giáo, tỉnh Điện Biên. Chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động và không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con chung. Về thu nhập của chị T từ nghề phụ xây được khoảng 4 triệu đến 5 triệu đồng/tháng, chị T có chỗ ở ổn định. Vì vậy, chị T đề nghị Tòa án giao cháu H cho chị được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc.

- *Về tài sản*: Tài sản riêng, tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Diện tích ruộng nương, Nợ phải trả và nợ lấy về: Không có.

Tại bản tự khai ngày 06/8/2019 và trong quá trình giải quyết, xét xử bị đơn anh Quảng Văn X trình bày:

- *Về hôn nhân*: Anh X và chị T kết hôn với nhau do hai bên tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 13/6/2014 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Cuộc sống chung của vợ chồng anh chị kể từ sau khi kết hôn hòa thuận hạnh phúc đến tháng 5/2016 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, do chị T tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tại Bản P, xã Ch, huyện T, tỉnh Điện Biên. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống chứ không phải nguyên nhân như chị T đã trình bày là do anh X nghiện ma túy, hay uống rượu và đánh đập chị T. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh X không nhất trí ly hôn vì tình cảm của anh đối với chị T vẫn còn, mặc dù anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 5/2016 cho đến nay không ai còn quan tâm đến ai nữa.

- *Về con chung*: Anh X và chị T có 01 con chung là Quảng Thị Nguyệt H - sinh ngày 25/02/2014, hiện nay cháu H đang ở với chị T tại Bản P, xã Ch, huyện T, tỉnh Điện Biên. Tại biên bản hòa giải lần 01 ngày 19/8/2019 và tại phiên tòa anh X có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại biên bản hòa giải lần 2 ngày 05/9/2019 anh X nhất trí cho chị T được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H. Về thu nhập của anh X từ nghề làm ruộng được khoảng 3 triệu đến 4 triệu đồng/tháng, có chỗ ở ổn định.

- *Về tài sản*: Tài sản riêng, tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Diện tích ruộng nương, Nợ phải trả và nợ lấy về: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả hỏi tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các đương tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn giữa chị Lò Thị T và anh Quảng Văn X thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2]. Về nội dung:

*) *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh X là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện được pháp luật công nhận, chị T cho rằng cuộc sống chung của vợ chồng anh chị kể từ sau khi kết hôn hòa thuận hạnh phúc đến tháng 5/2016 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân là do anh X nghiện ma túy, hay uống rượu và đánh đập chị T (được chứng minh tại Đơn đề nghị ngày 01/8/2019 của chị Lò Thị T BL số: 28) nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 5/2016 cho đến nay, không còn đi lại và quan tâm đến nhau nữa. Anh X thừa nhận nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, gia đình hai bên đã hòa giải nhưng mâu thuẫn không giải quyết được mà ngày càng trầm trọng nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 5/2016 cho đến nay, không còn đi lại và quan tâm đến nhau nữa. Vì vậy, không có căn cứ để chứng minh rằng cuộc sống chung của chị T và anh X vẫn hòa thuận, hạnh phúc. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh X đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần xử cho chị T được ly hôn với anh X là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

*) *Về con chung*: Chị T và anh X có 01 con chung là Quảng Thị Nguyệt H - sinh ngày 25/02/2014, hiện cháu H đang ở với chị T tại Bản P, xã Ch, huyện T, tỉnh Điện Biên. Chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi), có khả năng lao động và không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con chung. Về thu nhập của chị T từ nghề phụ xây được khoảng 4 triệu đến 5 triệu đồng/tháng, chị T có chỗ ở ổn định. Tại biên bản hòa giải lần hai anh X nhất trí cho chị T được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H, nhưng tại biên bản hòa giải lần thứ nhất và tại phiên tòa anh X lại có nguyện vọng được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù cả hai anh chị đều có nguyện vọng được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H, nhưng xét về mặt thực tế hiện tại cháu H đang ở với chị T, thu nhập từ nghề phụ xây của chị T được khoảng 4 triệu đến 5 triệu đồng/tháng, chị T đảm bảo có đủ khả năng về thời gian cũng như về điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H. Còn anh X có thu nhập thấp hơn chị T, bản thân nghiện ma túy, hay uống rượu. Vì vậy, để đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt cho cháu H Tòa án cần giao cho chị T được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H và anh X không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu H là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình.

*) *Về tài sản*: Tài sản riêng, tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Diện tích ruộng nương, Nợ phải trả và nợ lấy về: Không có.

*) *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nguyên đơn chị Lò Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, 69, 70, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Về hôn nhân: Chị Lò Thị T được ly hôn với anh Quàng Văn X.

2. Về con chung: Giao con chung Quàng Thị Nguyệt H - sinh ngày 25/02/2014 cho chị Lò Thị T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị T không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Diện tích ruộng nương, Nợ phải trả và nợ lấy về: Không có.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án chị Lò Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số AA/2016/0003226 ngày 25/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên; Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự chị Lò Thị T và anh Quàng Văn X có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/9/2019).

Nơi nhận:

- VKSND huyện Điện Biên;
- UBND xã P, huyện Đ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện ĐB;
- Toà án tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Tuyến

